TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ GC** **TỈNH TIỀN GIANG** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** _____

Bán án số: 67/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15 tháng 3 năm 2023.
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà: Võ Chi Lan.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Bùi Thu Hảo.
2. Bà Đinh Thị Kim Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Hồ Hải Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 235/2022/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Thu Đ, sinh năm 1989. Vắng mặt.
Địa chỉ cư trú: Thôn AH, xã HD, huyện NH, tỉnh QN.
Bị đơn: Dương Thanh B, sinh năm 1989. Có mặt.
Địa chỉ cư trú: Ấp HP, xã LH, thị xã GC, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****** Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 11 năm 2022 của chị Nguyễn Thị Thu Đ là nguyên đơn trình bày:*

Chị và anh B cưới nhau năm 2010, được Ủy ban nhân dân xã LH, thị xã GC cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2010. Thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn anh B không chăm lo cho gia đình, anh chị ly thân hơn 01 năm. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Anh chị có 01 người con chung tên Dương Nguyễn Thanh T, sinh ngày 05 tháng 5 năm 2010, hiện cháu T đang sống với anh B. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Anh Dương Thanh B là bị đơn trình bày tại phiên tòa*: Vợ chồng sống chung với nhau từ năm 2010 đến đầu năm 2022 thì chị Đ xin về quê QN để chăm sóc cho mẹ chị, từ đó đến nay chị có một vài lần về thăm con, không gửi tiền để phụ anh nuôi con và bản thân anh cũng không biết lý do gì chị ly hôn. Trước yêu cầu khởi kiện của chị Đ: Anh đồng ý ly hôn; về con chung, khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T vì cháu T đã sống với anh từ nhỏ, được chăm sóc học hành đầy đủ.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 27 luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân; các điều 21, 22, 26, 35, 46, 48, 49, 51, 63, 68, 70, 71, 72, 73, 92, 96, 97, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án và đương sự tuân theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của chị Đ là được ly hôn với anh B; về con chung giao 01 người con chung cho anh B trực tiếp nuôi, chị Đ không phải cấp dưỡng; về án phí áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH thì chị Đ chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Đ ly hôn với anh B là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Đ xin vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt.

[2.] Về nội dung:

1. Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Đ với anh B là tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã LH, thị xã GC cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2010 là hợp pháp. Thời gian chung sống chị Đ cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh B không chăm lo cho con; anh B cho rằng bản thân anh từ trước đến nay vẫn đi làm để nuôi cháu T, chị Đ xin về quê chăm mẹ chị bệnh nhưng không biết lý do gì thì chị Đ trở về yêu cầu ly hôn và anh đồng ý. Như vậy, việc cả hai anh chị hơn 01 năm ly thân, không quan tâm tới nhau là là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đông theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2. Về con chung: Cháu T hiện đang ở với anh B nên việc giao cháu T cho anh B trực tiếp nuôi là phù hợp với điều kiện sinh sống của anh và nguyện vọng của cháu T bởi bản thân chị Đ cũng không chứng minh được việc chị có trách nhiệm trong việc phụ anh B chăm sóc, nuôi dạy cháu T.

3. Về tài sản chung: Không tranh chấp.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đ chịu.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 28, 35, 39, 92, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu Đ được ly hôn với anh Dương Thanh B.

2. Về con chung: Giao 01 người con chung tên Dương Nguyễn Thanh T, sinh ngày 05 tháng 5 năm 2010 cho anh Dương Thanh B trực tiếp nuôi.

Chị Nguyễn Thị Thu Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp cần thiết thì chị Nguyễn Thị Thu Đ và anh Dương Thanh B có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nếu có.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Thu Đ chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị Nguyễn Thị Thu Đ đã tạm ứng án phí tại biên lai số 0007078 ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã GC, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị Nguyễn Thị Thu Đ đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Án tuyên và kết thúc cùng ngày.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân TXGC;
- Chi cục thi hành án dân sự TXGC;
- Đương sự;
- UBND xã LH, TXGC;.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VÕ CHI LAN